

Bản án số: 773/2019/ST-HNGĐ

Ngày 13 tháng 9 năm 2019

Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Ông Nguyễn Hải Đăng

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lê Trung Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân sơ thẩm thụ lý số 135/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Loan Ngọc T, sinh năm 1987

Địa chỉ: 304/36/13 đường T, phường T, quận T, Thành phố H.

Có mặt tại phiên tòa.

*Bị đơn:* Ông La Quang T, sinh năm 1979

Địa chỉ: 304/36/13 đường T, phường T, quận T, Thành phố H.

Có mặt tại phiên tòa.

**NHẬN THẤY:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Loan Ngọc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông La Quang T có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01 ngày 08/02/2011.

Quá trình chung sống đến cuối năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính là do chồng bà có tính gia trưởng, vợ chồng không có tiếng nói chung để xây dựng hạnh phúc gia đình khiến đời sống hôn nhân căng thẳng, mệt mỏi. Bà và ông T đã ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà T yêu

cầu ly hôn ông T để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có.

*Quá trình giải quyết, bị đơn ông La Quang T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01 ngày 08/02/2011.

Ông thừa nhận có những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình, tuy nhiên theo ông những mâu thuẫn này là không nghiêm trọng và ông không muốn ly hôn để hàn gắn tình cảm gia đình và chăm sóc con chung.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác nhận không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Loan Ngọc T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn ông La Quang T không đồng ý ly hôn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:*

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

2. Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình và do Tòa án thu thập được, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01 ngày 08/02/2011 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q cho ông La Quang T và bà Nguyễn Thị Loan Ngọc T thể hiện hôn nhân giữa bà T và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Ông La Quang T đang cư trú tại quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà T xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm, ông T có tính gia trưởng, vợ chồng không có tiếng nói chung khiến đời sống hôn nhân căng thẳng, mệt mỏi. Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù trong quá trình chung sống giữa hai bên bất đồng quan điểm sống, ông T đôi lúc nóng giận có những cử chỉ lời nói làm tổn thương bà T nhưng do lúc đó ông bị áp lực công việc; Tuy nhiên, ông vẫn còn tình cảm với bà T, luôn yêu thương, quan tâm và chăm sóc cho bà T. Qua kết quả xác minh mâu thuẫn của địa phương cũng xác định: Quá trình chung sống, vợ chồng ông T, Bà T không có sự cãi vã, xô xát và chính quyền địa phương cũng chưa can thiệp đến mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà T chưa trầm trọng, ông T vẫn còn tình cảm và mong muốn bà T cho cơ hội để thay đổi, cải thiện tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông T một mực không đồng ý ly hôn và thể hiện ý chí mong muốn cải thiện tình cảm vợ chồng để hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T đề nghị không chấp nhận yêu cầu ly hôn và ý kiến này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên yêu cầu ly hôn của bà T là không có căn cứ để chấp nhận.

2.2. Về quan hệ con chung, về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Loan Ngọc T phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;  
- Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;  
- Luật phí và lệ phí năm 2015;  
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Loan Ngọc T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Loan Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, Bà T đã nộp theo theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0009693 ngày 22/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà T đã

nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Loan Ngọc T, bị đơn ông La Quang T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

*Nơi nhận:*

- TAND TP.H
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Hòa**

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Loan Ngọc T, bị đơn ông La Quang T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Hòa**